

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BA ĐỒN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS-ST  
Ngày: 22-11-2021  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Phan Anh Đức

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Duy Phú và Ông Nguyễn Văn Thắng.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Hoài Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 03 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TH mại cổ phần B; địa chỉ: Tòa nhà C, số 109 đường T, quận H, thành phố H; người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S  
- Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Ch - Giám đốc chi nhánh Quảng Bình; địa chỉ: số 01, đường T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;

Người được ủy quyền lại: Bà Trương Nữ Linh C - Chuyên viên; địa chỉ: số 375 Q, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: tổ dân phố 2, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện Ngân hàng TH mại cổ phần B, bà Trương Nữ Linh Ch trình bày:*

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, bà Nguyễn Thị H có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP B(gọi tắt là Ngân hàng L) - Chi nhánh Quảng Bình - Phòng giao dịch Ba Đồn để vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 8%/năm; thời hạn vay 36 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày 02/02/2018 (Ngày bên vay bắt đầu nhận tiền) cho đến hết ngày 02 tháng 02 năm 2021; biện pháp bảo đảm là tín chấp. Quá

trình trả nợ, bà H đã trả lãi và gốc cho đến ngày 02 tháng 8 năm 2019, sau đó từ ngày 13 tháng 9 năm 2019 thì bà H không tiếp tục trả, số nợ của bà H đã chuyển sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng L đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để bà H trả nợ nhưng bà H không trả. Do đó, nay phía Ngân hàng L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H trả nợ gốc và lãi tính đến ngày 07 tháng 8 năm 2020 với số tiền gốc là 24.980.000 đồng, nợ lãi là 4.005,088 đồng, lãi phạt gốc + lãi phạt lãi là 1.133.672 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 30.118.760 đồng.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 7 năm 2021, bà Nguyễn Thị H trình bày:* Bà thừa nhận vay Ngân hàng L tại phòng giao dịch Ba Đồn với số tiền 50.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số HDTD453201899, ngày 02 tháng 02 năm 2018; thời gian đầu bà trả nợ theo như cam kết, thời gian sau vì điều kiện khó khăn, mất khả năng thanh toán. Hiện Ngân hàng L khởi kiện yêu cầu trả nợ, bà có quan điểm như sau: nhất trí số nợ gốc còn lại và số tiền lãi như Ngân hàng L yêu cầu, đề nghị Ngân hàng L cho pH án trả nợ như sau: mỗi tháng trả số tiền từ 500.000 đồng đến 700.000 đồng cho đến khi trả hết nợ và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

- *Tại phiên tòa:*

+ Ngân hàng L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt, không thể hiện thiện chí, đề xuất pH án trả nợ để thỏa thuận giải quyết vụ án.

+ Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào nội dung các hợp đồng mà các bên tham gia ký kết và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì việc xác định mối quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

Đối với việc vắng mặt của bị đơn: Bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên Tòa nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà H.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng L, buộc bà H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng L số tiền vay gốc và lãi theo quy định.

Về án phí: Buộc bà H phải chịu toàn bộ án phí theo quy định.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận, quan điểm của Đại diện viện kiểm sát và đương sự tại phiên Tòa.*

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về thẩm quyền quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng khởi kiện bà Nguyễn Thị H để yêu cầu trả số tiền vay gốc và lãi theo Hợp đồng mà hai bên đã ký kết, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H có nơi cư trú tại tổ dân phố 2, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Đối với việc bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa: Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bà H vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thấy rằng: Vào ngày 02/02/2018, Giữa Ngân hàng L chi nhánh Quảng Bình, phòng giao dịch B với bà Nguyễn Thị H có ký với nhau một Hợp đồng tín dụng, theo đó bà H được phía Ngân hàng L cho vay với số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 8%/năm, hình thức vay tín chấp, thời hạn vay 36 tháng, hình thức trả nợ 01 tháng/kỳ kể từ ngày vay, trả định kỳ vào ngày 02 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 3/2018; 35 kỳ đầu, mỗi kỳ trả số tiền 1.390.000 đồng (cả gốc và lãi), kỳ sau cùng trả số tiền 1.350.000 đồng (cả gốc và lãi). Quá trình trả nợ, bà H trả đến kỳ thứ 18 là vào ngày 02/8/2019 thì đến kỳ trả tiếp theo trở về sau không tiếp tục trả nữa. Như vậy, việc bà H không tiếp tục trả gốc và lãi cho Ngân hàng L sau ngày 02/9/2019 là vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận giữa các bên. Do đó, việc khởi kiện của Ngân hàng L yêu cầu thu hồi các khoản nợ đối với bà H là có căn cứ. Tính từ ngày 02/9/2019 đến ngày 22/11/2021, bà H còn nợ Ngân hàng L số tiền nợ gốc là 24.980.000 đồng, nợ lãi là 11.453.289 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 36.433.289 đồng; cần buộc bà H trả nợ số tiền này cho Ngân hàng L, việc khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu án phí; bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định. Căn cứ Điều 144, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 7, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” và điểm b Điều 1.3 Phần 1, Mục II, Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 1.821.664 đồng (Cách tính là  $5\% \times 36.433.289 \text{ đồng} = 1.821.664$ ).

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn về giải quyết vụ án là phù hợp, có cơ sở nên cần chấp nhận.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 và Điều 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 3, Điều 7, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” và điểm b Điều 1.3 Phần 1, Mục II, Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

**1. Xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H.**

**2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP.**

Buộc bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Bsố tiền vay gốc và tiền lãi tính từ ngày 02/9/2019 cho đến ngày 22/11/2021 với tổng số tiền 36.433.289 (trong đó, tiền vay gốc là 24.980.000 đồng, tiền lãi là 11.453.289 đồng).

Tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (22/11/2021) bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: HDTD453201899 ngày 02/02/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.*

**3. Án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch với số tiền 1.821.664 đồng (*Một triệu, tám trăm hai mươi một nghìn, sáu trăm sáu mươi bốn đồng*)

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 1.505.931 đồng (*Một triệu, năm trăm lẻ năm nghìn, chín trăm ba mươi một đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0007093 ngày 12/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

**4. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/11/2021); bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Bình
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phan Anh Đức**